

**GIẤY PHÉP KHAI THÁC KHOÁNG SẢN VÀ THUÊ ĐẤT
ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Khoáng sản số 60/2010/QH12 ngày 17/11/2010; Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Khoáng sản số 60/2010/QH12;

Căn cứ Luật Đất đai số 45/2013/QH13 ngày 29/11/2013; Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Chỉ thị số 03/CT-TTg ngày 30/3/2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc tăng cường hiệu lực thực thi chính sách, pháp luật về khoáng sản;

Căn cứ Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26/12/2016; Thông tư số 51/2017/TT-BTNMT ngày 30/11/2017 của Bộ Tài nguyên và Môi trường bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26/12/2016 quy định về đề án thăm dò khoáng sản, đóng cửa mỏ khoáng sản và mẫu báo cáo kết quả hoạt động khoáng sản, mẫu văn bản trong hồ sơ cấp phép hoạt động khoáng sản, hồ sơ phê duyệt trữ lượng khoáng sản, hồ sơ đóng cửa mỏ khoáng sản;

Căn cứ các Quyết định số 4139/QĐ-UBND ngày 25/11/2013; Quyết định số 5107/QĐ-UBND ngày 07/12/2015; Quyết định số 1454/QĐ-UBND ngày 05/5/2017 của UBND tỉnh phê duyệt trữ lượng khoáng sản trong “Báo cáo kết quả thăm dò khoáng sản đá spilit làm vật liệu xây dựng thông thường tại xã Hà Tân, huyện Hà Trung”; Quyết định số 888/QĐ-UBND ngày 13/3/2018 về việc điều chỉnh một số nội dung trong Quyết định số 5107/QĐ-UBND ngày 07/12/2015, Quyết định số 936/QĐ-UBND ngày 15/3/2018 về việc điều chỉnh một số nội dung trong Quyết định số 4139/QĐ-UBND ngày 25/11/2013 và Quyết định số 1454/QĐ-UBND ngày 05/5/2017 của UBND tỉnh;

Căn cứ Quyết định số 2417/QĐ-UBND ngày 07/7/2016 của UBND tỉnh phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường và Phương án cải tạo, phục hồi môi trường của Dự án đầu tư khai thác mỏ đá spilit làm vật liệu xây dựng thông thường tại xã Hà Tân, huyện Hà Trung của Công ty TNHH Xây dựng và Thương mại Tuấn Hiền (đổi tên từ Doanh nghiệp tư nhân Tuấn Hiền);

Xét đề nghị của Công ty TNHH Xây dựng và Thương mại Tuấn Hiền tại Đơn đề nghị cấp Giấy phép khai thác khoáng sản và thuê đất ngày 19/3/2018;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường Thanh Hóa tại Tờ trình số 383/TTr-STNMT ngày 29/3/2018,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1.

a) Cho phép Công ty TNHH Xây dựng và Thương mại Tuấn Hiền được khai thác, chế biến đá spilit làm vật liệu xây dựng thông thường và đất san lấp bằng phương pháp lộ thiên tại xã Hà Tân, huyện Hà Trung;

- Diện tích mỏ: 71.500 m²; trong đó, khu vực khai thác 1 có diện tích 30.000 m² được giới hạn bởi các điểm góc 1, 2, 7, 8, 9, 10, 3 và 4; khu vực khai trường có diện tích 5.000 m² được giới hạn bởi các điểm góc 1, 4, 5 và 6; khu vực khai thác 2 có diện tích 36.500 m² được giới hạn bởi các điểm góc từ 11 đến 17 có tọa độ xác định trên Bản đồ kèm theo;

- Mục đích sử dụng khoáng sản: Làm vật liệu xây dựng thông thường;

- Trữ lượng khoáng sản:

+ Trữ lượng địa chất: Tổng trữ lượng là 1.861.580 m³; trong đó:

* Khoáng sản chính: Đá spilit làm vật liệu xây dựng thông thường là 1.744.882 m³; trong đó, có 116.698 m³ đá khối để xẻ;

* Khoáng sản đi kèm: Đất san lấp là 50.005 m³.

+ Trữ lượng được khai thác:

* Khoáng sản chính: Đá spilit làm vật liệu xây dựng thông thường là 1.270.362 m³; trong đó, có 82.573 m³ đá khối để xẻ.

* Khoáng sản đi kèm: Đất san lấp là 50.005 m³.

- Thân khoáng: Dạng khối;

- Công suất khai thác: 50.000 m³ đá/năm; 50.005 m³ đất san lấp/02 năm đầu.

- Mức sâu khai thác:

+ Khu vực khai thác 1: Đến cos +20 m;

+ Khu vực khai thác 2: Đến cos +40 m.

- Thời hạn khai thác: 25 năm 10 tháng, kể từ ngày ký Giấy phép; trong đó, thời gian xây dựng cơ bản mỏ là 05 tháng.

b) Thu hồi, chuyển mục đích sử dụng 56.500 m² đất rừng sản xuất tại xã Hà Tân, huyện Hà Trung sang đất khai thác khoáng sản và cho Công ty TNHH Xây dựng và Thương mại Tuấn Hiền thuê 71.500 m² đất tại xã Hà Tân, huyện Hà Trung (gồm 56.500 m² nêu trên và 15.000 m² đất khai thác khoáng sản) để sử dụng vào mục đích khai thác khoáng sản và làm khai trường;

- Vị trí, ranh giới khu đất được xác định theo trích lục Bản đồ số 315/TLBĐ do Văn phòng Đăng ký quyền sử dụng đất - Sở Tài nguyên và Môi trường lập ngày 15/5/2017;

- Loại đất: Đất khai thác khoáng sản (15.000 m²), đơn vị đang quản lý, sử dụng; đất rừng sản xuất (56.500 m²) do UBND xã Hà Tân quản lý. Công ty TNHH Xây dựng và Thương mại Tuấn Hiền đã bồi thường GPMB được UBND huyện Hà Trung xác nhận;

- Hình thức sử dụng: Nhà nước cho thuê đất trả tiền thuê đất hàng năm;

- Phí thẩm định hồ sơ thuê đất: 250.000 đồng;

- Thời hạn sử dụng: 25 năm 10 tháng, kể từ ngày ký Giấy phép.

Điều 2. Công ty TNHH Xây dựng và Thương mại Tuấn Hiền có trách nhiệm:

1. Nộp tiền cấp quyền khai thác khoáng sản, tiền ký quỹ cải tạo phục hồi môi trường, lệ phí cấp giấy phép khai thác khoáng sản và các khoản phí, lệ phí có liên quan theo quy định hiện hành;

2. Ký hợp đồng thuê đất với Sở Tài nguyên và Môi trường;

3. Tiến hành hoạt động khai thác mỏ theo đúng tọa độ, diện tích, trữ lượng, công suất quy định tại Điều 1 của Giấy phép này;

4. Trước khi tiến hành khai thác, phải nộp thiết kế mỏ được lập, phê duyệt theo đúng quy định của pháp luật cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định; cắm mốc giới khu vực được phép khai thác và báo cáo Sở Tài nguyên và Môi trường kiểm tra, giám sát;

5. Thực hiện đầy đủ nội dung Báo cáo đánh giá tác động môi trường và Phương án cải tạo, phục hồi môi trường của Dự án đầu tư khai thác mỏ đã được phê duyệt. Quản lý, sử dụng các sản phẩm khai thác, chế biến theo đúng quy định của pháp luật hiện hành;

6. Trong quá trình khai thác, phải thực hiện đúng và đầy đủ các phương pháp, quy trình kỹ thuật, bảo đảm an toàn kỹ thuật, an toàn công trình mỏ, an toàn vật liệu nổ; phải có các biện pháp phòng, chống các sự cố, bảo đảm an toàn lao động và các quy định khác có liên quan trong khai thác mỏ. Phải thu hồi tối đa sản phẩm khai thác từ mỏ và các sản phẩm khác (nếu có); báo cáo đúng sản lượng khai thác, chế biến, sử dụng khoáng sản cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền;

7. Thường xuyên thực hiện việc kiểm soát các khu vực khai thác, chế biến, các công trình phụ trợ và các khu vực khác có liên quan; bảo vệ tài nguyên khoáng sản, bảo đảm an toàn, trật tự mỏ theo quy định của pháp luật;

Trường hợp có dấu hiệu không đảm bảo an toàn, phải dừng ngay hoạt động khai thác, chế biến, đồng thời có biện pháp khắc phục kịp thời và báo cáo ngay bằng văn bản cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền để xử lý theo quy định của pháp luật.

8. Thực hiện việc đóng cửa mỏ; phục hồi môi trường, đất đai sau khai thác; báo cáo định kỳ trong hoạt động khoáng sản theo quy định của pháp luật về khoáng sản và các quy định khác có liên quan.

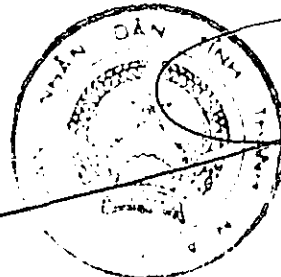
Điều 3. Giấy phép này có hiệu lực kể từ ngày ký và thay thế Giấy phép số 441/GP-UBND ngày 28/11/2014 của UBND tỉnh.

Hoạt động khai thác đá spilit theo Giấy phép này, Công ty TNHH Xây dựng và Thương mại Tuấn Hiền chỉ được phép tiến hành khai thác sau khi đã thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật có liên quan và các quy định tại Giấy phép này; nộp cho Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Thanh Hóa hồ sơ thiết kế mỏ đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định; đăng ký ngày bắt đầu xây dựng cơ bản mỏ, ngày hoạt động sản xuất kinh doanh, kế hoạch khai thác, chế biến tại cơ quan chức năng của nhà nước theo quy định./.

Nơi nhận:

- Tổng cục ĐC&KS Việt Nam;
- Chủ tịch UBND tỉnh (để b/cáo);
- Công ty TNHH XD&TM Tuấn Hiền;
- Các Sở: Xây dựng, TN&MT (05b);
- UBND huyện Hà Trung;
- UBND xã Hà Tân;
- Lưu: VT, CN.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Đức Quyền

TỌA ĐỘ KHU VỰC MỎ ĐÁ SPILIT TẠI
XÃ HÀ TÂN, HUYỆN HÀ TRUNG

(Phụ lục kèm theo Giấy phép khai thác khoáng sản số: 109 /GP-UBND
ngày 03 tháng 4 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa)

Khu vực	Điểm góc	Hệ tọa độ VN-2000	
		Kinh tuyến trục 105 ⁰ , múi chiếu 3 ⁰	
		X (m)	Y (m)
Diện tích khu vực khai thác 1 30.000 m ²	1	2215 300.00	585 394.00
	2	2215 308.00	585 459.00
	7	2215 221.97	585 471.04
	8	2215 204.00	585 572.00
	9	2215 140.47	585 753.73
	10	2215 065.12	585 725.34
	3	2215 165.00	585 479.00
	4	2215 160.00	585 404.00
Diện tích khu vực khai thác 2 36.500 m ²	11	2215 119.50	585 346.02
	12	2215 103.33	585 388.54
	13	2215 078.67	585 418.19
	14	2215 055.80	585 413.63
	15	2214 968.65	585 554.02
	16	2214 854.47	585 523.98
Diện tích khai trường 5.000 m ²	1	2215 300.00	585 394.00
	4	2215 160.00	585 404.00
	5	2215 157.00	585 368.00
	6	2215 297.00	585 359.00